

TIẾT 31

Bài 14. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ NGUYÊN (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được quy tắc cộng hai số nguyên âm. Nhận biết được số đối của một số nguyên.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả học tập, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: Học sinh xác định đúng đắn động cơ, thái độ học tập; tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng được quy tắc cộng hai số nguyên trong tính toán. Giải được những bài toán thực tế liên quan đến cộng số nguyên.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm, đánh giá công bằng, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (5 phút)

a) **Mục tiêu:** Nhắc lại minh họa phép cộng hai số tự nhiên trên tia số.

b) **Nội dung:** Giải quyết tình huống: Nhiệt độ ban ngày ở đỉnh Mẫu Sơn (Lạng Sơn) vào một ngày mùa đông là -3°C . Nếu ban đêm giảm thêm 5°C nữa thì nhiệt độ ở đó sẽ là bao nhiêu?

c) **Sản phẩm:** Khi tính toán, chú ý mỗi số nguyên (dương hoặc âm) có hai phần: phần dấu và phần số tự nhiên. Nên để biết nhiệt độ ban đêm ở đỉnh Mẫu Sơn trong tình huống trên, ta cần tính tổng: $(-3) + (-5)$.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> – GV chiếu hình hướng đặt vấn đề – GV chiếu Hình 3.8 và nhắc lại phép cộng hai số nguyên dương Ví dụ: $3 + 5 = 8$ và nêu chú ý về dấu khi thực hiện các phép tính. Từ đó nêu hướng giải quyết tình huống đề bài. 	<ul style="list-style-type: none"> HS đọc. HS quan sát, lắng nghe. HS suy luận.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (23 phút)

1. Cộng hai số nguyên âm

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu về cách cộng hai số nguyên âm bằng cách biểu diễn trên trục số. Hình thành kỹ năng cộng hai số nguyên âm.

b) Nội dung:

- Thực hiện các HĐ1 và HĐ2.
- HS đọc hộp kiến thức ghi nhớ.
- Đọc Ví dụ 1, trình bày lời giải.

c) Sản phẩm:

- HĐ1: Điểm A biểu diễn số -3 .
- HĐ2: Điểm B biểu diễn số -8 . Từ đó suy ra giá trị của tổng $(-3) + (-5) = -8$.
- Quy tắc: Muốn cộng hai số nguyên âm, ta cộng phần số tự nhiên của chúng với nhau rồi đặt dấu “ $-$ ” trước kết quả.
- Ví dụ 1: $(-28) + (-37) = -(28 + 37) = -65$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV chiếu một tia số dùng hiệu ứng di chuyển một điểm xuất phát từ gốc O của trục số di chuyển đến điểm -3 và yêu cầu HS trả lời HĐ1.</p> <p>+ Lần thứ hai di chuyển tiếp từ -3 một khoảng 5 đơn vị theo chiều âm và yêu cầu HS trả lời HĐ2.</p> <p>Vẽ hình 32 và gọi HS đọc các số âm trên hình.</p> <p>Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.</p> <p>– GV hướng dẫn HS đưa ra quy tắc cộng hai số nguyên âm.</p> <p>– GV chiếu nội dung hộp kiến thức.</p> <p>– GV hướng dẫn HS trình bày lời giải Ví dụ 1.</p> <p><i>Lưu ý:</i></p> <p>+ Phân tích phần dấu và phần số tự nhiên của mỗi số nguyên.</p> <p>+ Tổng của hai số nguyên âm là một số nguyên âm.</p> <p>+ Việc sử dụng dấu ngoặc () đối với thực hiện phép cộng hai số nguyên âm.</p>	<p>HS trả lời.</p> <p>HS trả lời.</p> <p>HS rút ra kết luận.</p> <p>1 HS đọc, cả lớp lắng nghe, ghi nhớ.</p> <p>HS quan sát, ghi nhớ.</p> <p>HS ghi nhớ.</p>

2. Hai số đối nhau

a) Mục tiêu: Nhận biết số đối của một số nguyên cho trước.

b) Nội dung:

- Đọc hiểu – Nghe hiểu thông tin, chú ý trong SGK.
- Câu hỏi: Tìm số đối của 4; -5 ; 9; -11 .

c) **Sản phẩm:** Trả lời: Số đối của 4; -5; 9; -11 lần lượt là: -4; 5; -9; 11.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu nội dung Đọc hiểu – Nghe hiểu, thuyết trình giảng cho HS. Lấy thêm các ví dụ tương tự khác. – GV chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời tại chỗ. Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. – GV chiếu nội dung chú ý, giảng giải. Nhấn mạnh: kí hiệu số đối: <i>số đối của x là $-x$ (ở đây x có thể là số âm).</i>	HS chú ý lắng nghe. HS hoạt động cá nhân. HS nhận xét. HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a) **Mục tiêu:** Củng cố kỹ năng cộng hai số nguyên âm. Luyện kỹ năng tìm số đối và khắc sâu ý nghĩa hình học của số đối.

b) **Nội dung:** Luyện tập 1, Bài tập 3.9/SGK tr.66, Luyện tập 2.

c) **Sản phẩm:**

– Luyện tập 1:

$$(-12) + (-48) = -(12 + 48) = -60;$$

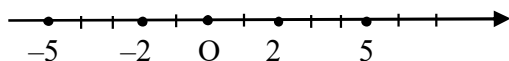
$$(-236) + (-1\ 025) = -(236 + 1\ 025) = -1\ 261.$$

– Bài tập 3.9/SGK tr.66:

a) $(-7) + (-2) = -(7 + 2) = -9;$ b) $(-8) + (-5) = -(8 + 5) = -13;$

c) $(-11) + (-7) = -(11 + 7) = -18;$ d) $(-6) + (-15) = -(6 + 15) = -21.$

– Luyện tập 2: Số đối 5; -2 lần lượt là -5; 2.



d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS hoàn thành Luyện tập 1; Bài tập 3.9/SGK tr.66 vào phiếu học tập theo nhóm bàn.	HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ. HS nhận xét.

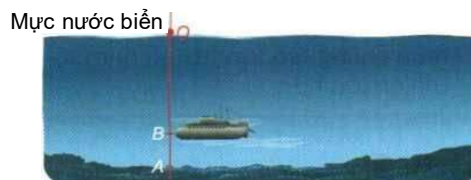
Nhận xét, đánh giá bài của HS. Tán thưởng cho nhóm làm nhanh nhất. – GV yêu cầu HS làm Luyện tập 2 vào vở. Nhận xét, đánh giá, cho điểm bài của HS.	HS hoạt động cá nhân. 1 HS lên bảng trình bày. HS nhận xét.
---	---

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) **Mục tiêu:** Củng cố kĩ năng cộng hai số nguyên âm trong một bài toán thực tế. Nhắc lại ý nghĩa của số âm.

b) **Nội dung:**

Vận dụng 1: Một chiếc tàu ngầm cần lặn (coi là theo phương thẳng đứng) xuống điểm A dưới đáy biển. Khi tàu đến điểm B ở độ cao -135 m, máy đo báo rằng tàu còn cách A một khoảng 45 m. Hỏi điểm A nằm ở độ cao bao nhiêu mét?



Hình 3.12

c) **Sản phẩm:**

Vận dụng 1: Tàu ở độ cao -135 m và còn phải lặn thêm 45 m, tức là lặn -45 m nữa mới đến A. Vận dụng điểm A nằm ở độ cao: $(-135) + (-45) = -180$ (m).

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thảo luận hoàn thành Vận dụng 1. GV nhắc lại quy ước về độ cao so với mặt nước biển. Từ đó hiểu rằng lặn xuống 45 m (so với mặt nước biển) có nghĩa là di chuyển -45 m. – Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. Tán thưởng cho nhóm làm nhanh nhất.	HS thực hiện. HS báo cáo chia sẻ.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại kiến thức về quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, hai số đối nhau.
- Làm các bài tập 3.11/SGK tr.66.
- Tìm hiểu trước phần: *Cộng hai số nguyên khác dấu.*

Bài 14. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ NGUYÊN (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu. Biết so sánh sự khác nhau giữa phép cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trình bày được kết quả thảo luận của nhóm trước lớp, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, trao đổi, tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: Học sinh tự nhận ra được sai sót và cách khắc phục sai sót; tự giác trong các hoạt động.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh nhận biết được vấn đề của tình huống, chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng được quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu trong tính toán. Giải được những bài toán thực tế liên quan đến cộng hai số nguyên khác dấu.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm, đánh giá công bằng, khách quan.
- Trách nhiệm: Chủ động khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm khi báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

a) Mục tiêu: Gọi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

b) Nội dung: Một ngày tại Paris có nhiệt độ là -5°C . Theo dự báo thời tiết ngày hôm sau tăng thêm 3°C .

a) Hỏi nhiệt độ dự báo của ngày hôm sau sẽ là bao nhiêu?

b) Thực tế, nhiệt độ ngày hôm sau lại tăng thêm 8°C . Hỏi nhiệt độ thực tế ngày hôm sau là bao nhiêu?

c) Sản phẩm: HS dự đoán kết quả

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu hình hướng đặt vấn đề.	HS đọc.
– GV yêu cầu HS suy nghĩ dự đoán kết quả.	HS suy luận, dự đoán.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (17 phút)

1. Cộng hai số nguyên khác dấu

a) Mục tiêu: Tìm hiểu về cách cộng hai số khác dấu bằng cách biểu diễn trên trục số. Hình thành kỹ năng cộng hai số trái dấu.

b) Nội dung:

– Thực hiện các HĐ3 và HĐ4.

– HS đọc hộp kiến thức ghi nhớ.

c) Sản phẩm:

– HĐ3: Điểm B biểu diễn kết quả phép cộng: $(-5) + 3$.

– HĐ4: Điểm C biểu diễn kết quả của phép cộng: $(-5) + 8$.

– Quy tắc:

+ Hai số nguyên đối nhau thì có tổng bằng 0.

+ Muốn cộng hai số nguyên khác dấu (không đối nhau), ta tìm hiệu hai phần số tự nhiên của chúng (số lớn trừ số nhỏ) rồi đặt trước hiệu tìm được dấu của số có phần số tự nhiên lớn hơn.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu một tia số dùng hiệu ứng di chuyển một điểm xuất phát từ điểm A (giá trị -5) của trục số di chuyển sang phải (theo chiều dương) 3 đơn vị đến điểm B và yêu cầu HS trả lời HĐ3.	HS trả lời.

<p>+ Lần thứ hai di chuyển tiếp từ điểm A (giá trị -5) của trục số di chuyển sang phải (theo chiều dương) 8 đơn vị đến điểm C và yêu cầu HS trả lời HĐ4.</p> <p>Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.</p> <p>– GV hướng dẫn HS đưa ra quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.</p> <p>– GV chiếu nội dung hộp kiến thức.</p>	<p>HS trả lời.</p> <p>HS rút ra kết luận.</p> <p>1 HS đọc, cả lớp lắng nghe, ghi nhớ.</p>
--	---

2. Ví dụ

a) Mục tiêu: Hình thành kỹ năng cộng hai số trái dấu.

b) Nội dung: Đọc Ví dụ 2, trình bày lời giải.

c) Sản phẩm:

Ví dụ 2:

a) $9 + (-9) = 0$; b) $9 + (-5) = 9 - 5 = 4$; c) $(-12) + 9 = -(12 - 9) = -3$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc (1) trả lời phép tính a.</p> <p>– GV giải mẫu và phân tích kỹ cách trình bày phép tính b, c vận dụng quy tắc (2) vừa học.</p>	<p>HS thực hiện tại chỗ.</p> <p>HS quan sát, ghi chép.</p>

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (15 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố kỹ năng cộng hai số nguyên khác dấu.

b) Nội dung: Luyện tập 3; Bài tập 3.10/SGK tr.66; Bài tập 3.15/SGK tr.66.

c) Sản phẩm: Luyện tập 3:

a) $203 + (-195) = 203 - 195 = 8$; b) $(-137) + 86 = -(137 - 86) = -51$.

– Bài tập 3.10/SGK tr.66: Tính tổng hai số khác dấu:

a) $6 + (-2) = 6 - 2 = 4$; b) $9 + (-3) = 9 - 3 = 6$;

c) $(-10) + 4 = -(10 - 4) = -6$; d) $(-1) + 8 = 8 - 1 = 7$.

– Bài tập 3.15/SGK tr.66: Tính nhẩm:

a) $(-3) + (-2) = -5$; b) $(-35) + (-15) = -50$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS hoàn thành Luyện tập 3; Bài tập 3.10/SGK tr.66 vào vở. + GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời. Nhận xét, đánh giá, cho điểm bài của HS.	HS hoạt động cá nhân. 06 HS lần lượt lên bảng thực hiện. HS nhận xét.
– GV yêu cầu HS trả lời tại chỗ Bài tập 3.15/SGK tr.66 ý a, b. Nhận xét, đánh giá, tán thưởng bài của HS.	02 HS trả lời tại chỗ. HS nhận xét.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (8 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố kỹ năng cộng hai số khác dấu trong một bài toán thực tế. Nhắc lại về ý nghĩa của số âm. Khắc sâu về cách xác định dấu của tổng hai số nguyên trái dấu.

b) Nội dung: Vận dụng 2; Tranh luận.

c) Sản phẩm:

– Vận dụng 2: Độ cao cần tìm là $(-946) + 55 = -891$ (m).

– Tranh luận.

Đáp án: Tổng hai số nguyên khác dấu có thể là số dương hoặc số âm.

Ví dụ: $(-1) + 2 = 1$;

$(-5) + 1 = -4$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thảo luận hoàn theo nhóm hoàn thành Vận dụng 2 và phần Tranh luận trong SGK tr.64. + GV hướng dẫn Vận dụng 2: lưu ý rằng máy nổi lên tức là di chuyển theo chiều dương. + GV hướng dẫn phần tranh luận: nên lấy các ví dụ cụ thể để dễ thấy được câu trả lời. – Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. Tán thưởng cho nhóm làm nhanh nhất.	HS thực hiện. HS báo cáo chia sẻ.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn tập lại kiến thức về quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.

– Làm Bài tập 3.13/SGK tr.66.

– Tìm hiểu trước phần: *Tính chất của phép cộng và trừ hai số nguyên.*

Bài 14. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ NGUYÊN (Tiết 3)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

HS biết được tính chất cơ bản của phép toán cộng các số nguyên, quy tắc trừ hai số nguyên. Bước đầu hình thành dự đoán trên cơ sở nhìn thấy quy luật thay đổi của một loạt hiện tượng (toán học) liên tiếp và phép tương tự.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả học tập, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: Học sinh tự nhận ra được sai sót và cách khắc phục sai sót; tự giác trong các hoạt động.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh nhận biết được vấn đề của tình huống, chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác, biết đề xuất, lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng được quy tắc trừ số nguyên trong tính toán. Vận dụng được các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Giải được những bài toán thực tế liên quan đến cộng và trừ số nguyên.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trách nhiệm: Chủ động khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: NHIỆM VỤ HỌC TẬP (5 phút)

a) Mục tiêu: Nhớ lại kĩ năng cộng hai số nguyên.

b) Nội dung:

Thực hiện phép tính:

a) $(-9) + (-10)$;

b) $152 + (-42)$.

c) Sản phẩm:

a) $(-9) + (-10) = -(9 + 10) = -19$;

b) $152 + (-42) = 152 - 42 = 110$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu 2 HS lên bảng thực hiện phép tính.	2 HS lên bảng thực hiện. HS còn lại thực hiện vào vở BT.
– GV nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS.	HS nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (23 phút)

1. Cộng hai số nguyên âm

a) Mục tiêu: Tìm hiểu các tính chất của phép cộng qua một ví dụ cụ thể. Hình thành kỹ năng áp dụng các tính chất của phép cộng số nguyên để tính hợp lý.

b) Nội dung:

– Thực hiện các HĐ5 và HĐ6.

– HS đọc hộp kiến thức, chú ý ghi nhớ.

– Đọc Ví dụ 3, trình bày lời giải.

c) Sản phẩm:

– HĐ5: Thay $a = -7$, $b = 11$ vào biểu thức ta được:

$$a + b = (-7) + 11 = 11 - 7 = 4;$$

$$b + a = 11 + (-7) = 11 - 7 = 4.$$

Vậy $(-7) + 11 = 11 + (-7)$.

– HĐ6. Thay $a = 2$, $b = -4$, $c = -6$ vào biểu thức ta được:

$$(a + b) + c = [2 + (-4)] + (-6) = -(4 - 2) + (-6) = (-2) + (-6) = -(2 + 6) = -8.$$

$$a + (b + c) = 2 + [(-4) + (-6)] = 2 + [-(4 + 6)] = 2 + (-10) = -(10 - 2) = -8.$$

Vậy $[2 + (-4)] + (-6) = 2 + [(-4) + (-6)]$.

– Phép cộng số nguyên có các tính chất:

+ Giao hoán: $a + b = b + a$;

+ Kết hợp: $(a + b) + c = a + (b + c)$.

– Ví dụ 3

$$\begin{aligned} \text{a) } 137 + (-40) + 2\,020 + (-157) &= 137 + (-157) + (-40) + 2\,020 \\ &= [137 + (-157)] + [(-40) + 2\,020] = -(157 - 137) + (2\,020 - 40) \\ &= (-20) + 1\,980 = 1\,980 - 20 = 1\,960. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 5 + (-7) + 9 + (-11) + 13 + (-15) &= [5 + (-7)] + [9 + (-11)] + [13 + (-15)] \\ &= [-(7 - 5)] + [-(11 - 9)] + [-(15 - 13)] = (-2) + (-2) + (-2) \\ &= -(2 + 2 + 2) = -6. \end{aligned}$$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm bàn HĐ5 và HĐ6 vào phiếu học tập (Có định hướng cách trình bày).	HS hoạt động nhóm. Báo cáo chia sẻ
GV nhận xét, đánh giá, tán thưởng nhóm hoàn thành đúng và nhanh nhất. – GV rút ra các tính chất của phép cộng. GV chiếu nội dung hộp kiến thức, giải thích ý nghĩa của hai cặp biểu thức. – GV chiếu đề bài Ví dụ 3. GV thực hiện giải trên bảng và giải thích cụ thể từng bước làm.	HS nhận xét. HS lắng nghe, ghi nhớ. HS đọc. HS quan sát, ghi chép.

2. Trừ hai số nguyên

a) Mục tiêu: Tìm hiểu về cách thực hiện phép trừ. Hình thành kỹ năng trừ hai số.

b) Nội dung:

- Thực hiện các HĐ7 và HĐ8.
- HS đọc hộp kiến thức ghi nhớ.
- Đọc Ví dụ 4, trình bày lời giải.

c) Sản phẩm:

– HĐ7: Cách 1: $5 - 2 = 3$; Cách 2: $5 + (-2) = 5 - 2 = 3$.

Vậy tháng đó cửa hàng lãi 3 triệu đồng.

– HĐ8: $3 - 4 = 3 + (-4)$;

$$3 - 5 = 3 + (-5).$$

– Quy tắc trừ hai số nguyên: Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b: $a - b = a + (-b)$.

– Ví dụ 4:

a) $7 - 10 = 7 + (-10) = -(10 - 7) = -3$; b) $5 - 2 = 5 + (-2) = 3$ (HD7).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV yêu cầu HS thực hiện HD7 theo 2 cách hướng dẫn trong sách giáo khoa, từ đó đưa ra kết luận của bài toán. GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS.</p>	<p>2 HS lên bảng thực hiện. HS nhận xét.</p>
<p>– GV hướng dẫn HS tìm ra quy luật để dự đoán kết quả ở HD8 rồi tổng kết: <i>Nếu $b + x = a$ thì $x = a - b$.</i></p>	<p>HS tư duy thực hiện.</p>
<p>– GV chiếu Ví dụ 4 hướng dẫn HS làm lại Ví dụ 4.</p>	<p>HS hoạt động cá nhân.</p>

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a) Mục tiêu: Luyện kỹ năng áp dụng các tính chất của phép cộng số nguyên để tính hợp lí, kỹ năng trừ hai số.

b) Nội dung: Luyện tập 4; Bài tập 3.16/SGK tr.66; Luyện tập 5.

c) Sản phẩm:

– Luyện tập 4:

a) $(-2\ 019) + (-550) + (-451) = [(-2\ 019) + (-451)] + (-550) = (-2\ 470) + (-550) = -3\ 020$.

b) $(-2) + 5 + (-6) + 9 = [(-2) + 5] + [(-6) + 9] = 3 + 3 = 6$.

– Bài tập 3.16/SGK tr.66:

a) $152 + (-73) - (-18) - 127 = 152 - (-18) + (-73) - 127 = [152 - (-18)] + [(-73) - 127]$
 $= (152 + 18) + [(-73) + (-127)] = 170 + (-200) = -30$;

b) $7 + 8 + (-9) + (-10) = (7 - 9) + (8 - 10) = (-2) + (-2) = -4$.

– Luyện tập 5:

a) $5 - (-3) = 5 + 3 = 8$;

b) $(-7) - 8 = (-7) + (-8) = -(7 + 8) = -15$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm Luyện tập 4 và Bài tập 3.16/SGK tr.66 + GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời.</p>	<p>HS hoạt động nhóm. Đại diện 4 nhóm lên bảng trình bày. HS nhận xét.</p>

<p>GV nhận xét, đánh giá kết quả, ý thức làm việc nhóm, khả năng tư duy suy luận của HS. Tán thưởng nhóm hoàn thành đúng và nhanh nhất.</p> <p>– GV yêu cầu HS hoàn thành Luyện tập 5.</p> <p>+ GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời.</p> <p>Nhận xét, đánh giá, cho điểm bài làm của HS. Lưu ý việc HS dễ xác định nhầm dấu số đối của số trừ trong phép tính.</p>	<p>HS hoạt động cá nhân.</p> <p>2 HS lên bảng trình bày.</p> <p>HS nhận xét.</p>
---	--

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) Mục tiêu: Áp dụng phép trừ vào một bài toán thực tế.

b) Nội dung:

Vận dụng 3: Nhiệt độ bên ngoài của một máy bay ở độ cao 10 000 m là -48°C . Khi hạ cánh, nhiệt độ ở sân bay là 27°C . Hỏi nhiệt độ bên ngoài của máy bay khi ở độ cao 10 000 m và khi hạ cánh chênh lệch bao nhiêu độ C?

c) Sản phẩm:

Vận dụng 3: Chênh lệch nhiệt độ trước và sau khi máy bay hạ cánh là 75°C .

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV yêu cầu HS thảo luận hoàn theo nhóm thành Vận dụng 3.</p> <p>– Nhận xét, đánh giá, tán thưởng cho nhóm làm nhanh nhất.</p>	<p>HS hoạt động nhóm.</p> <p>HS báo cáo chia sẻ.</p>

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại kiến thức về tính chất của phép cộng, trừ hai số nguyên.
- Làm các Bài tập 3.12; 3.14; 3.15 (b, d); 3.17; 3.18/SGK tr.66.
- Tìm hiểu trước bài 15. *Quy tắc dấu ngoặc.*